

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VĂN BẰNG HAI TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP NGÀNH DƯỢC SỸ

Lớp D₂VB₂A₁, khoá học: 2013 - 2014 (Kỳ thi tháng 01/2015, theo Quyết định số:/QĐ-CĐYT ngày/01/2015)

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCKT	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
1	Toàn Thị	Bình	26/01/1989	Nữ	Thái Nguyên	5.8	7.0	7.6	7.3	6.6	Trung bình khá	4
2	Cao Thị	Diễm	15/04/1976	Nữ	Bắc Kạn	6.2	7.5	8.6	8.1	7.2	Khá	0
3	Hà Thị	Dịu	05/05/1987	Nữ	Bắc Kạn	6.7	7.5	8.4	8.0	7.4	Khá	1
4	Tống Thị	Duyên	18/08/1987	Nữ	Thái Nguyên	7.7	9.0	8.8	8.9	8.3	Giỏi	0
5	Nguyễn Thị	Hà	02/07/1960	Nữ	Thái Nguyên	6.9	7.5	8.4	8.0	7.5	Khá	1
6	Đinh Hồng	Hải	02/12/1978	Nam	Thái Nguyên	7.2	8.5	9.2	8.9	8.1	Giỏi	1
7	Nguyễn Thị	Hiền	07/05/1990	Nữ	Thái Nguyên	7.6	8.5	9.0	8.8	8.2	Giỏi	0
8	Lâm Thị	Hiền	29/07/1991	Nữ	Thái Nguyên	6.6	6.5	9.1	7.8	7.2	Khá	0
9	Lương Thị Minh	Hiền	14/08/1990	Nữ	Phú Thọ	7.0	7.0	9.1	8.1	7.6	Khá	0
10	Nguyễn Nhị	Hoa	28/09/1992	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.0	8.8	7.9	7.5	Khá	0
11	Hoàng Hải	Hoan	22/12/1968	Nữ	Thái Nguyên	6.5	8.0	9.1	8.6	7.6	Khá	0
12	Nông Quỳnh	Hương	08/01/1983	Nữ	Thái Nguyên	6.8	7.5	9.3	8.4	7.6	Khá	0
13	Nguyễn Thị	Hồng	30/03/1980	Nữ	Thái Nguyên	5.7	6.0	8.5	7.3	6.5	Trung bình khá	5
14	Giàng Văn	Huy	21/11/1990	Nam	Bắc Kạn	6.3	6.0	9.1	7.6	7.0	Khá	0
15	Trần Thu	Huyền	27/04/1984	Nữ	Thái Nguyên	7.5	7.5	9.1	8.3	7.9	Khá	0
16	Nguyễn Thị	Huyền	01/04/1985	Nữ	Hà Nội	6.4	6.5	9.6	8.1	7.3	Khá	4
17	Lê Thị	Huyền	03/11/1992	Nữ	Thái Nguyên	6.0	7.5	9.1	8.3	7.2	Khá	4
18	Đoàn Thị	Lành	18/08/1990	Nữ	Thái Nguyên	6.9	7.0	9.2	8.1	7.5	Khá	0
19	Nguyễn Thị Mai	Liên	30/07/1979	Nữ	Bình Định	6.3	6.5	9.3	7.9	7.1	Khá	0
20	Nguyễn Thùy	Linh	27/07/1991	Nữ	Bắc Kạn	6.3	5.5	9.2	7.4	6.9	Trung bình khá	0

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
21	Nguyễn Thị	Lợi	06/09/1991	Nữ	Bắc Ninh	7.0	7.0	8.7	7.9	7.5	Khá	0
22	Nông Thị	Lự	01/09/1992	Nữ	Cao Bằng	6.3	6.5	9.0	7.8	7.1	Khá	1
23	Nguyễn Thị Thanh	Mai	12/12/1991	Nữ	Bắc Kạn	6.3	6.0	8.9	7.5	6.9	Trung bình khá	0
24	Nguyễn Thị Hồng	Nga	19/02/1991	Nữ	Thái Nguyên	5.8	6.5	8.7	7.6	6.7	Trung bình khá	4
25	Phạm Thị Thúy	Nga	31/12/1991	Nữ	Thái Nguyên	6.7	7.0	8.8	7.9	7.3	Khá	0
26	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	21/10/1992	Nữ	Thái Nguyên	6.8	7.5	8.9	8.2	7.5	Khá	0
27	Phạm Thị	Ngọc	25/10/1990	Nữ	Thái Nguyên	6.1	6.0	8.2	7.1	6.6	Trung bình khá	0
28	Đào Thị	Nguyệt	26/07/1982	Nữ	Thái Nguyên	6.9	8.0	8.6	8.3	7.6	Khá	0
29	Đào Thị	Nguyệt	12/03/1985	Nữ	Thái Nguyên	6.6	6.0	8.0	7.0	6.8	Trung bình khá	0
30	Nguyễn Thị	Nhung	01/03/1989	Nữ	Thái Nguyên	6.7	6.0	8.6	7.3	7.0	Khá	0
31	Lương Thị Hồng	Nhung	20/08/1991	Nữ	Thái Nguyên	6.7	7.0	8.7	7.9	7.3	Khá	0
32	Nguyễn Thị	Ninh	14/03/1989	Nữ	Bắc Giang	7.2	7.0	7.9	7.5	7.4	Khá	0
33	Nguyễn Thị	Phong	13/03/1992	Nữ	Thái Nguyên	6.7	6.0	8.6	7.3	7.0	Khá	0
34	Đinh Thị	Phong	16/10/1991	Nữ	Thái Nguyên	5.9	7.0	8.0	7.5	6.7	Trung bình khá	7
35	Phạm Thị Mỹ	Phong	10/09/1990	Nữ	Hà Nội	7.7	7.5	9.5	8.5	8.1	Giỏi	0
36	Lưu Kim	Quý	25/07/1982	Nữ	Thái Nguyên	6.5	7.5	9.1	8.3	7.4	Khá	0
37	Nông Thị	Quỳnh	28/03/1985	Nữ	Cao Bằng	6.5	5.0	9.2	7.1	6.8	Trung bình khá	0
38	Hoàng Thị	Quỳnh	10/09/1979	Nữ	Bắc Kạn	6.3	6.5	9.2	7.9	7.1	Khá	1
39	Nguyễn Thị	Thái	11/12/1981	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.5	9.2	8.4	7.7	Khá	1
40	Đàm Thị	Thanh	09/08/1990	Nữ	Bắc Giang	6.9	5.5	9.1	7.3	7.1	Khá	1
41	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/07/1982	Nữ	Thái Nguyên	6.6	7.0	8.9	8.0	7.3	Khá	0
42	La Thị	Thơ	07/02/1991	Nữ	Bắc Kạn	6.6	5.5	9.0	7.3	7.0	Khá	0
43	Mã Trung	Thông	26/05/1986	Nam	Bắc Kạn	6.4	6.5	9.0	7.8	7.1	Khá	4
44	Vũ Lệ	Thủy	05/07/1985	Nữ	Bắc Giang	6.7	6.0	8.9	7.5	7.1	Khá	0
45	Lý Thị	Tính	11/12/1989	Nữ	Bắc Kạn	7.0	6.0	8.8	7.4	7.2	Khá	1
46	Nguyễn Thị Thanh	Trà	10/08/1992	Nữ	Thái Nguyên	7.0	7.0	9.3	8.2	7.6	Khá	1
47	Triệu Thiên	Trang	25/05/1989	Nữ	Thái Nguyên	6.7	7.0	9.2	8.1	7.4	Khá	0
48	Nguyễn Văn	Trởng	14/07/1992	Nam	Thái Nguyên	5.9	6.0	8.8	7.4	6.7	Trung bình khá	4

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTK	Điểm thi tốt nghiệp			Điểm XLTN	Xếp loại tốt nghiệp	Trình thi lại
							LT	TH	TBTN			
49	Vũ Ngọc	Tú	28/08/1986	Nữ	Thái Nguyên	6.0	6.5	8.4	7.5	6.8	Trung bình khá	5
50	Phan Văn	Tuấn	24/05/1987	Nam	Yên Bái	6.8	6.0	8.8	7.4	7.1	Khá	0
51	Nguyễn Thị	Yến	21/12/1992	Nữ	Bắc Kạn	6.5	6.5	9.4	8.0	7.3	Khá	0
52	Nguyễn Thị	Yến	27/03/1990	Nữ	Hà Nội	7.4	7.0	9.4	8.2	7.8	Khá	0

(Danh sách này có: 52 học sinh)

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TS. Nguyễn Minh Tuấn

Ngày tháng 01 năm 2015
T/M HỘI ĐỒNG THI TỐT NGHIỆP
CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
ThS. Hoàng Anh Tuấn